

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 16 - 5 - 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Ông Nguyễn Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Hồng Vỹ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 06/2023/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 271/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C K T, xã M L, huyện P M, Bình Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Trung T, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C K T, xã M L, huyện P M, Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Văn Trung T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày:

Chị Trần Thị Thu H đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn Trung T vào năm 1996, tại Ủy ban nhân dân xã M L, huyện P M, tỉnh Bình Định, hôn nhân tự

nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm nhau và sống ly thân không còn liên lạc từ năm 2020 đến nay. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn Trung T.

Về con chung: Có 04 người là Nguyễn Thị Mỹ Tr, sinh ngày 30/12/1997, Nguyễn Thị Duyên C, sinh ngày 15/4/1999 và Nguyễn Thị Út Ch, sinh ngày 15/4/1999 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 21/12/2007, Các con Tr, Duyên C, Út C đã trưởng thành. Ly hôn, yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 21/12/2007, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 thửa đất số 114, tờ bản đồ 32, diện tích 1117,8 m² trong đó có 200 m² đất ở, 916,8 m² đất trồng cây hàng năm khác, trên thửa đất có 02 ngôi nhà (01 ngôi nhà mới, 01 ngôi nhà cũ), tại thôn C K T, M L, Phù Mỹ, Bình Định. Chị H yêu cầu được ở ngôi nhà cũ cất trên phần đất có ký hiệu số 01, có diện tích: 714,9 m², tại thôn C K T, xã M L, huyện P M, tỉnh Bình Định. Giao cho anh T ngôi nhà mới cất trên phần đất có ký hiệu số 02, có diện tích: 461,9m², tại thôn C K T, xã M L, huyện P M, tỉnh Bình Định.

Ý kiến trình bày của anh Nguyễn Văn Trung T: Anh T yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung: Anh T xác định có 04 người như trình bày của chị H. Ly hôn, Anh chấp nhận giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 21/12/2007, cho chị H nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Có 01 thửa đất số 114, tờ bản đồ số 32, diện tích 1176,8 m² trên thửa đất có 02 ngôi nhà (01 ngôi nhà mới, 01 ngôi nhà cũ), tại thôn C K T, M L, huyện P M, tỉnh Bình Định. Ly hôn, Anh T yêu cầu sử dụng đất, nhà mới, nhà cũ thôi lại ½ giá trị ngôi nhà và đất cho chị H.

Đối với ngôi nhà cũ là của bà ngoại (Nguyễn Thị T) mua cho anh T để làm nghề cắt tóc, sau khi bà T chết năm 2005 để lại cho vợ chồng anh ở cho đến nay.

Bản án dân sự sơ thẩm số 271/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P M, tỉnh Bình Định quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56,59, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ vào khoản điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:326/2016/BUTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tài sản chung: Chia giao cho anh Nguyễn Văn Trung T được trọn quyền sở hữu và sử dụng các tài sản gồm: Một ngôi nhà và mái hiên có diện tích 167,2m² xây dựng năm 2015, một chuồng heo tại phần đất có diện tích: 461,9 m² thửa số: 02, trong đó có 100m² đất ở và 361,9m² đất trồng cây hàng năm khác. Phần đất có chiều dài ở phía Đông từ điểm 13 đến điểm 9 là 49,66 m, chiều dài ở phía tây từ điểm A đến điểm B là 52 m, chiều rộng ở phía Nam từ điểm A đến điểm 13 là 9 m, chiều rộng ở phía Bắc từ điểm 9 đến điểm B là 10,5 m phần đất có giới cận phía đông giáp thửa đất số 115, phía tây giáp phần đất giao cho chị H, phía nam giáp đường bê tông đi trạm bơm, phía bắc giáp phần đất số 96, theo giấy chứng quyền sử dụng đất số: CH00240 ngày 28/12/2011 của UBND huyện P M. Tổng giá trị tài sản anh T nhận là 415.010.400đ (Bốn trăm mười lăm triệu không trăm mười nghìn bốn trăm đồng) (có sơ đồ kèm theo).

Chia giao cho chị Trần Thị Thu H được trọn quyền sở hữu và sử dụng: Một ngôi nhà cũ có diện tích 104,13m², một giếng nước, một nhà vệ sinh, một chuồng bò, tại phần đất có diện tích 714,9 m² là thửa số: 01, trong đó có 100 m² đất ở, 614,9m² đất trồng cây hàng năm khác. Phần đất có chiều dài ở phía Đông từ điểm A đến điểm B là 52 m, chiều dài ở phía Tây từ điểm 01 đến điểm 5 là 53,91 m , chiều rộng ở phía Nam từ điểm 01 đến điểm A là 13m, chiều rộng ở phía Bắc từ điểm 5 đến điểm B là 13 m. Có giới cận phía Đông giáp phần đất giao cho anh T, phía Tây giáp thửa đất số: 113 và thửa số: 104, phía Nam giáp đường bê tông đi trạm bơm, phía Bắc giáp thửa đất số: 96, theo giấy chứng quyền sử dụng đất số: CH00240 ngày 28/12/2011 của UBND huyện P M. Tổng giá trị tài sản chị H nhận là 288.851.100đ (Hai trăm tám mươi tám triệu tám trăm năm mươi một nghìn một trăm đồng) (có sơ đồ kèm theo).

2. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hôn nhân, con chung, chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 13 tháng 10 năm 2022, bị đơn anh Nguyễn Văn Trung T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chừa cho anh T một lối đi rộng khoảng 02m kéo dài từ mặt đường bê tông trước ra sau hết thửa đất tại vị trí hướng Tây của thửa đất sát vách giữa nhà cũ và nhà mới trên phần diện tích đất của chị Trần Thị Thu H được nhận để anh có đường đi ra phía sau của thửa 02 của anh để chăn nuôi và sản xuất diện tích đất còn lại và cho anh được sử dụng chung cái giếng nước, công trình phụ nhà vệ sinh, nhà tắm và chuồng bò trên phần diện tích đất của chị Trần Thị Thu H được nhận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Trung T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Trung T và chị Trần Thị Thu H đều thừa nhận tài sản chung của anh chị gồm có: 01 thửa đất số 114, tờ bản đồ 32, diện tích 1117,8 m² trong đó có 200 m² đất ở, 976,8 m² đất trồng cây hàng năm khác, trên thửa đất có 02 ngôi nhà (01 ngôi nhà mới, 01 ngôi nhà cũ), một chuồng heo, một giếng nước, một nhà vệ sinh, một chuồng bò tọa lạc tại thôn C K T, xã M L, huyện P M, tỉnh Bình Định. Tòa án cấp sơ thẩm sơ thẩm căn cứ nhu cầu của các bên đã chia giao cho anh Nguyễn Văn Trung T được trọn quyền sở hữu và sử dụng các tài sản gồm: Một ngôi nhà và mái hiên có diện tích 167,2m² xây dựng năm 2015, một chuồng heo tại phần đất có diện tích: 461,9 m² thửa số: 02, trong đó có 100m² đất ở và 361,9m² đất trồng cây hàng năm khác. Chia giao cho chị Trần Thị Thu H được trọn quyền sở hữu và sử dụng: Một ngôi nhà cũ có diện tích 104,13m², một giếng nước, một nhà vệ sinh, một chuồng bò tại phần đất có diện tích 714,9m² là thửa số: 01, trong đó có 100 m² đất ở, 614,9m² đất trồng cây hàng năm khác là có căn cứ và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về kháng cáo yêu cầu giao cho anh T một lối đi rộng khoảng 02m kéo dài từ mặt đường bê tông trước ra sau hết thửa đất tại vị trí hướng Tây của thửa đất sát vách giữa nhà cũ và nhà mới trên phần diện tích đất của chị Trần Thị Thu H được nhận để anh T làm lối đi ra phía sau, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo biên bản thẩm định tại chỗ, bản vẽ sơ đồ thửa đất và lời khai của các bên thì ngôi nhà cũ giao cho chị H được quyền sở hữu, sử dụng và ngôi nhà mới giao cho anh T sở hữu, sử dụng nằm sát vách với nhau, giữa hai ngôi nhà không còn khoảng đất trống nào khác đủ để giao cho anh T sử dụng làm lối đi, việc buộc chị H tháo dỡ ngôi nhà cũ mà Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị H sở hữu, sử dụng để giao đất cho anh T làm lối đi là không phù hợp với quy định của pháp luật. Hơn nữa, phần diện tích đất vườn nằm ở phía sau nhà và gắn liền với phần diện tích đất thổ cư có nhà ở mà Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh T được quyền sử dụng nên việc anh T đi ra phía sau nhà để sử dụng đất vườn không bị cản trở. Ngoài ra, phần diện tích đất giao cho anh T được quyền sử dụng có chiều rộng phía trước là 09m, phía sau là 10,5m, trong khi đó theo lời khai của chị H, anh T thì ngôi nhà mới Tòa án cấp sơ thẩm cho anh T được quyền sở hữu có chiều rộng là khoảng 08m, còn lại khoảng 01m chiều rộng từ trước ra sau là đất trống nên anh T có thể sử dụng phần diện tích đất trống này làm lối đi ra sau nhà. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh T.

[2.3]. Về kháng cáo yêu cầu cho anh T được sử dụng chung giếng nước, công

trình phụ nhà vệ sinh, nhà tắm và chuồng bò trên phần diện tích đất giao cho chị H, xét thấy: Các tài sản trên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết giao cho chị H được quyền sở hữu, sử dụng và anh T đồng ý với việc chia tài sản trên của Tòa án cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H không đồng ý cho anh T sử dụng chung giếng nước, công trình phụ nhà vệ sinh, nhà tắm và chuồng bò trên phần diện tích đất của chị H. Do đó, việc giao cho anh T sử dụng chung các loại tài sản trên theo yêu cầu của anh T làm ảnh hưởng đến quyền sở hữu về tài sản và quyền sử dụng đất của chị H nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh T.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của anh Nguyễn Văn Trung T không được chấp nhận nên anh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các cứ vào các Điều 29, 33, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Trung T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chia giao cho anh Nguyễn Văn Trung T được trọn quyền sở hữu và sử dụng các tài sản gồm: Một ngôi nhà và mái hiên có diện tích 167,2m² xây dựng năm 2015, một chuồng heo tại phần đất có diện tích: 461,9 m² thửa số: 02, trong đó có 100m² đất ở và 361,9m² đất trồng cây hàng năm khác. Phần đất có chiều dài ở phía Đông từ điểm 13 đến điểm 9 là 49,66 m, chiều dài ở phía tây từ điểm A đến điểm B là 52 m, chiều rộng ở phía Nam từ điểm A đến điểm 13 là 9 m, chiều rộng ở phía Bắc từ điểm 9 đến điểm B là 10,5 m phần đất có giới cận phía đông giáp thửa đất số 115, phía tây giáp phần đất giao cho chị H, phía nam giáp đường bê tông đi trạm bơm, phía bắc giáp phần đất số 96, theo giấy chứng quyền sử dụng đất số: CH00240 ngày 28/12/2011 của UBND huyện P M. Tổng giá trị tài sản anh T nhận là 415.010.400đ (Bốn trăm mười lăm triệu không trăm mười nghìn bốn trăm đồng) (có sơ đồ kèm theo).

2. Chia giao cho chị Trần Thị Thu H được trọn quyền sở hữu và sử dụng: Một ngôi nhà cũ có diện tích 104,13m², một giếng nước, một nhà vệ sinh, một chuồng

bò, tại phần đất có diện tích 714,9 m² là thửa số: 01, trong đó có 100 m² đất ở, 614,9m² đất trồng cây hàng năm khác. Phần đất có chiều dài ở phía Đông từ điểm A đến điểm B là 52 m, chiều dài ở phía Tây từ điểm 01 đến điểm 5 là 53,91m, chiều rộng ở phía Nam từ điểm 01 đến điểm A là 13m, chiều rộng ở phía Bắc từ điểm 5 đến điểm B là 13 m. Có giới cận phía Đông giáp phần đất giao cho anh T, phía Tây giáp thửa đất số: 113 và thửa số: 104, phía Nam giáp đường bê tông đi trạm bơm, phía Bắc giáp thửa đất số: 96, theo giấy chứng quyền sử dụng đất số: CH00240 ngày 28/12/2011 của UBND huyện P M. Tổng giá trị tài sản chi H nhận là 288.851.100đ (Hai trăm tám mươi tám triệu tám trăm năm mươi một nghìn một trăm đồng) (có sơ đồ kèm theo).

3. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008759 ngày 13.10.2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P M, tỉnh Bình Định.

4. Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND H. Phù Mỹ;
- CCTHADS H. Phù Mỹ;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Duy

**CÁC THÀNH VIÊN
CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Tuấn

Nguyễn Văn Hiệp

Lê Văn Duy

[2.2] Đối với thửa đất số 271, tờ bản đồ số 21, diện tích 920,6m² đất và thửa đất số 422, tờ bản đồ số 22, diện tích 1071,5m² đất chuyên trồng lúa nước. HĐXX xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ được thu thập và lời khai của các đương sự có căn cứ xác định hai thửa đất trên thuộc quyền sử dụng chung của ông Thọ, bà Oanh và chị Hoàng. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm các đương sự đều có nhu cầu sử dụng đất, nên theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, phần diện tích đất trên lẽ ra phải được phân chia ngang nhau cho ông Thọ, bà Oanh và chị Hoàng mỗi người được quyền sử dụng 664,03m². Tuy nhiên căn cứ quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 quy định về diện tích đất tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Bình Định thì việc chia đều diện tích đất trên cho các đương sự không đảm bảo về điều kiện về diện tích đất tối thiểu để tách thửa, hơn nữa việc tách thửa sẽ gây khó khăn cho việc sử dụng đất. Để đảm bảo quyền lợi của các bên, Hội đồng xét xử sơ thẩm giao cho ông Thọ được quyền sử dụng thửa đất số 271, tờ bản đồ số 21 với diện tích 920,6m²; chia giao cho bà Oanh, chị Hoàng được quyền sử dụng chung thửa đất số 422, tờ bản đồ số 22, diện tích 1071,5m². Theo định giá tài sản thì thửa đất giao cho ông Thọ được quyền sử dụng có giá trị 75.489.000 đồng; thửa đất giao cho bà Oanh và chị Hoàng được quyền sử dụng có giá trị 87.863.000 đồng. Tổng cộng tài sản trên có giá trị 163.352.000 đồng, do đó diện tích đất mỗi người được

chia có giá trị là 54.450.600đ nên cấp sơ thẩm buộc ông Thọ có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Oanh, chị Hoàng phần giá trị tài sản chênh lệch được chia mỗi người là 10.519.000 đồng là có căn cứ nên HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Oanh và chị Hoàng.

